|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case:** Cancel a specific late charge (Xóa một khoản nợ cụ thể) | |
| **Actor:** Manager | |
| **Mô tả:** Use case thực hiện việc cho phép actor xoá đi một khoản nợ cụ thể. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đăng nhập vào hệ thống thành công và đang ở trang giao diện hiển thị danh sách trễ hẹn. | |
| **Điều kiện sau:** Actor thực hiện xoá một khoản nợ cụ thể. | |
| **Luồng sự kiện chính** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Chọn chức năng **Huỷ (Cancle)**. | 2. Hiển thị ra một dialog hỏi actor có chắc chắn muốn Huỷ không. Nếu người dùng chọn có, khoản nợ đã chọn sẽ được update trong hệ thống và quay lại giao diện danh sách khoản nợ. |
| **Luồng sự kiện phụ** | |
|  | 2.1. Nếu người dùng chọn không thì quay lại giao diện danh sách các khoản nợ. |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case:** Show information about customer late charges (Hiển thị thông tin nợ quá hạn của khách hàng) | |
| **Actor:** Clerk | |
| **Mô tả:** Use case thực hiện việc cho phép actor hiển thị thông tin nợ quá hạn của khách hàng | |
| **Điều kiện trước:** Actor đăng nhập vào hệ thống thành công và đang ở trang giao diện hiển thị thông tin khách hàng. | |
| **Điều kiện sau:** Actor xem được thông tin nợ của khách hàng. | |
| **Luồng sự kiện chính** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Chọn chức năng **Hiển thị thông tin nợ (Show late charges)** | 2. Danh sách khoản nợ quá hạn của khách hàng hiện ra thông tin bao gồm (tên loại tiêu đề, ngày mượn, ngày trả, số ngày trễ hẹn ,số tiền) |
| **Luồng sự kiện phụ** | |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case:** Rent Dvds or Disks game (Cho thuê Dvd hoặc đĩa game) | |
| **Actor:** Clerk | |
| **Mô tả:** Hệ thống sẽ cho Actor biết giá thành và thời lượng thuê đĩa đó. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đăng nhập vào hệ thống thành công. | |
| **Điều kiện sau:** Hệ thống ghi nhận thành công việc thuê đĩa. | |
| **Luồng sự kiện chính** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Actor chọn chức năng **Thuê Đĩa (Rent)** | 2. Field điền mã khách hàng hiện ra. |
| 3. Actor nhập mã khách hàng. | 4. Hệ thống kiểm tra mã khách hàng đã tồn tại hay chưa và thông tin cơ bản về khách hàng đó. Sau đó Field nhập mã đĩa hiện ra. |
| 5. Actor nhập tất cả mã đĩa vào hệ thống | 6. Hệ thống sẽ xuất ra giao diện hiển thị danh sách giá tiền và thời hạn thuê cho từng đĩa. Sau đó là tổng tiền. |
| 7. Actor chọn **Xác nhận (Ok)** | 8. Thanh toán được thực hiện hệ thống thay đổi trạng thái của đĩa là **đang thuê (renting)** thông báo thành công và trả về giao diện **Home** |
| **Luồng sự kiện phụ** | |
|  | 4.1 Nếu thông tin khách hàng không tồn tại sẽ hiện ra thông báo khách hàng không tồn tại. Và trả về giao hiện home |
|  | 6.1 Đối với những đĩa không ở trạng thái **“free”** hệ thống sẽ hiện thông báo những đĩa nào và yêu cầu actor loại bỏ nếu không sẽ không thể tiếp tục bước 7. |
| 7.1 Actor chọn **Huỷ** đối với đĩa không mong muốn thuê. | 8.1 Hệ thống trả về bước 6 và loại bỏ những đĩa đã huỷ. |
| 7.2 Actor chọn **huỷ (Cancel)** | 8.2 Hệ thống trả về **Home** và thanh toán không được thực hiện. |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case:** Record the return Dvds or Disks game (Ghi lại việc trả Dvd hay đĩa game) | |
| **Actor:** Clerk | |
| **Mô tả:** Ghi lại đĩa đã được trả vào Hệ thống. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đăng nhập vào hệ thống thành công. | |
| **Điều kiện sau:** Hệ thống cập nhật trạng thái của đĩa và tính toán tiền trễ hạn. | |
| **Luồng sự kiện chính** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Actor chọn chức năng **Trả Đĩa (Putting Back)** | 2. Field điền mã đĩa hiện ra. |
| 3. Actor nhập mã đĩa. | 4. Hệ thống sẽ hiện thông tin của đĩa. |
| 5. Actor chọn chức năng **cập nhật(Update)** | 6. Hệ thống sẽ cập nhật lại trạng thái của đĩa là trên kệ và tính toán thời gian trả có đúng hạn sau đó hiện thông báo thành công. Nếu trễ hạn hệ thông sẽ tự động tính toán số ngày trễ sau đó tính vào nợ trễ hạn đối với tài khoản đã thuê đĩa này |
| **Luồng sự kiện phụ** | |
|  | 4.1 Nếu thông tin của đĩa bị nhập sai, thì thông tin của đĩa sẽ hiện là **“Không tìm thấy”** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case:** Enter a reservation for a specific title (Thêm đặt trước cho một tiêu đề Dvd hoặc đĩa game) | |
| **Actor:** Clerk | |
| **Mô tả:** Đặt trước cho một tiêu đề đã hết hàng. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đăng nhập vào hệ thống thành công. | |
| **Điều kiện sau:** Hệ thống thực hiện đặt đĩa thành công. | |
| **Luồng sự kiện chính** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Actor chọn chức năng **Đặt đĩa (Reserve Disk)** | 2. Field điền tiêu đề đĩa hiện ra. |
| 3. Actor nhập tiêu đề đĩa cần tìm | 4. Hệ thống sẽ hiện ra những đĩa liên quan có kết quả gần đúng nhất với nội dung mà actor đã nhập. |
| 5. Actor chọn đúng tiêu đề đĩa. | 6. Hệ thống hiện ra thông tin của đĩa cùng với tình trạng tiêu đề đĩa. |
| 7. Actor chọn đặt đĩa và nhập thông tin khách hàng để liên hệ ( mã khách hàng). | 8. Hệ thống ghi nhận lại có đặt hàng.Hiện thông báo đặt thành công. Đối với những đĩa đang ở trạng thái **"free"** hệ thống sẽ tự động đặt cho những khách hàng đặt trước theo trình tự first come. |
| **Luồng sự kiện phụ** | |
|  | 4.1 Nếu không có nội dung nào thì sẽ hiện là **“Không tìm thấy”** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case:** Cancel a reservation (Xóa đặt trước) | |
| **Actor:** Clerk | |
| **Mô tả:** Xoá đặt trước tiêu đề của một khách hàng. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đăng nhập vào hệ thống thành công và đang ở giao diện của khách hàng. | |
| **Điều kiện sau:** Hệ thống thực hiện huỷ đặt đĩa thành công. | |
| **Luồng sự kiện chính** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Actor chọn chức năng **đặt đĩa (Reservation)** | 2. Field điền tiêu đề đĩa hiện ra đồng thời danh sách đĩa đã được khách hàng đó đặt hiện ra. |
| 3. Actor nhập tiêu đề đĩa cần tìm | 4. Hệ thống sẽ hiện ra danh sách những đĩa liên quan có kết quả gần đúng nhất với nội dung mà actor đã nhập. |
| 5. Actor chọn chức năng **huỷ** đối với những đĩa actor muốn huỷ. | 6. Hệ thống hiện ra thông báo huỷ thành công. |
| **Luồng sự kiện phụ** | |
|  | 4.1 Nếu không có nội dung nào thì sẽ hiện là **“Không tìm thấy”** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case:** Record the payment of paticular Customer (Ghi lại thanh toán của khách hàng) | |
| **Actor:** Clerk | |
| **Mô tả:** Ghi lại thanh toán của khách hàng trả nợ quá hạn. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đăng nhập vào hệ thống thành công và đang ở trang giao diện hiển thị danh sách trễ hạn của khách hàng. | |
| **Điều kiện sau:** Hệ thống thực hiện huỷ đặt đĩa thành công. | |
| **Luồng sự kiện chính** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Actor tích chọn vào những khoản nợ cụ thể hoăc tất cả của khách hàng. | 2. Khi ít nhất một mục được chọn, chức năng “**thanh toán”** be ready. |
| 3. Actor chọn chức năng “**thanh toán”** | 4. Dialog xác nhận hiện ra tổng tiền thanh toán và tiền từng mục cụ thể. |
| 5. Actor chọn **“xác nhận”** | 6. Hiện ra thông báo đã thanh toán thành công và ghi lại chi tiết vào hệ thống, những mục đã thanh toán bị xoá khỏi danh sách trễ hạn của khách hàng. |
| **Luồng sự kiện phụ** | |
| 5.1 Actor chọn **“Huỷ”** | 6.1 Quay lại bước 1. |
|  |  |